

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 08/5/2020

V/v: “Tranh chấp về ly hôn và nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Hoài Dinh**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Ninh**

2/ Ông **Nguyễn Văn Thản**

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 803/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thụy Thiên A, sinh năm 1982. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Số 440/34 Nguyễn Kiệm, phường 3, Quận P, Thành phố H.

Tạm trú: xã Ph, huyện T, tỉnh Tr.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1980. Vắng mặt;

Địa chỉ: tổ 5, ấp P, xã Ph, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Lê Thụy Thiên A trình bày:

Chị và anh Th chung sống với nhau từ năm 2014, có tìm hiểu trước, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, Quận P, Thành phố H vào ngày 15-02-2014, do hoàn cảnh gia đình anh Th khó khăn nên khi cưới không cho nữ trang cưới. Sau khi cưới chị và anh Th sống trọ tại Thành phố H thời gian, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2016, đầu năm 2017 do công việc làm ăn khó khăn, kinh tế không ổn định, vợ chồng phát sinh gây gổ, cãi vã, đến tháng 10-2018 sau khi chị

phát hiện mình bị bệnh ung thư vú, thì anh Th thay đổi tính tình, bỏ mặc chị và con cái không lo, đến cuối năm 2018 anh Thảo dọn đồ về sống cùng gia đình ngụ tại ấp P, xã Ph, huyện G, tỉnh T, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không có gặp nhau bàn chuyện đoàn tụ. Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Phạm Lê Trung K, sinh ngày 14-4-2015 hiện nay đang sống chung với chị.

Nay chị A yêu cầu được ly hôn với anh Th. Về con chung chị yêu cầu được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Lê Trung K, sinh ngày 14-4-2015, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn Th: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Th để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Th không đến nên không có ý kiến bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh Th, chị A được ly hôn với anh Th; về con chung: Giao cho chị A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Lê Trung K, sinh ngày 14-4-2015, ghi nhận chị A không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thụy Thiên A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng tất cả các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh Th chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, Quận P, Thành phố H. Do

đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị A có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị A thì thấy: Mâu thuẫn của anh chị chủ yếu phát sinh từ việc kinh tế trong gia đình khó khăn, chị A bị bệnh ung thư vú, anh Th thay đổi tính tình, bỏ mặc chị và con cái không lo, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng anh Th không đến, chứng tỏ anh Th đã bỏ mặc đến tình cảm của vợ chồng và không có thiện chí được đoàn tụ với chị A. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Phạm Lê Trung K, sinh ngày 14-4-2015 hiện đang sống cùng chị A.

Xét thấy, trong suốt thời gian ly thân chị A vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt và kể từ ngày anh chị ly thân cho đến nay cháu K sống với chị A nên Hội đồng xét xử cần giao cháu K cho chị A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chi Thẩm phải chịu án phí không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thụy Thiên A đối với anh Phạm Văn Th. Chị A được ly hôn với anh Th.

2. *Về con chung:* Giao cho chị A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Lê Trung K, sinh ngày 14-4-2015. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009893 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.

5/ Chị Lê Thụy Thiên A và anh Phạm Văn Th được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND H. Gò Dầu;
- CCTHADS H. Gò Dầu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoài Dinh